

LUẬN TẠP A-TỶ ĐÀM TÂM

QUYỂN 9

Phẩm 9: TẠP

*Đã phân biệt các pháp
Mỗi pháp tiếp nối nhau
Các tạp nghĩa ở trên
Nay sẽ nói sơ lược*

Đã phân biệt các pháp, mỗi pháp tiếp nối nhau: Nghĩa là đã nói đủ các thứ phẩm loại, lần lượt nối tiếp nhau của các pháp, về các tạp nghĩa trên. (Nghĩa là quyết định tiếp nối nhau, nên nói là đã nói xong, tức là các tạp nghĩa trên, sẽ nói trong phẩm này), nay sẽ nói sơ lược.

*Có duyên cũng tương ứng
Hữu hành và hữu nương
Tâm và các tâm pháp
Là nói đồng một nghĩa.*

Đây là các tâm, tâm pháp, có tên khác nhau, vì có duyên của chúng, nên nói là có duyên. Vì chuyển biến theo cảnh giới, cho nên thời, y, hành duyên sự đều chuyển biến theo, gọi là tương ứng. Hữu hành nghĩa là tuệ, phẩm Trí đã nói. Vì tuệ kia đối với duyên tạo ra hành nên nói là hữu hành. Vì nương vào sự chuyển biến của người khác, nên nói là hữu nương.

*Từ duyên sinh, cũng nhân
Vừa nhân vừa hữu vi
Nói xứ cùng với đạo
Có quả phải nên biết.*

Đây là sự khác nhau về danh của các pháp hữu vi. Vì pháp này duyên pháp kia, rồi hòa hợp với nhau mà sinh, nên nói từ duyên sinh. Vì sinh ra pháp khác, nên nói là nhân. Do sức của nhân nên nói là có nhân. Vì do nhân duyên v.v... tạo tác, nên nói là hữu vi. Vì sinh ra lời nói, nên gọi là thuyết xứ. Vì thuộc về đạo của quá khứ, vị lai, hiện tại,

nên nói là Đạo. Vì đạo kia có quả, nên nói là có quả.

*Có tội cũng ẩn mất
Như bản và thấp hèn
Thiện hữu vì nói tập
Cũng lại gọi là tu.*

Có tội cũng ẩn mất, như bản và thấp hèn, đây là các tên gọi khác nhau của bất thiện và vô ký ẩn mất. Đi chung với tội nên nói là có tội, là nghĩa đáng chán ghét. Vì bị phiền não che lấp, nên nói là sự ẩn mất, là nghĩa bị lậu che lấp, vì bị phiền não làm cấu uế, nên nói là cấu uế. Vì rất thô bỉ, nên nói là thấp hèn, vì tâm tối, nên nói là đen. Có hai thứ đen: Đen vì cấu uế và đen vì không vừa ý. Ở đây nói thứ đen cấu uế, không nói thứ đen không vừa ý, vì thứ đen không vừa ý cũng có cái đen của quả báo bất thiện.

Thiện hữu vi được gọi là tập, cũng gọi là tu đó là các tên gọi khác nhau của pháp thiện hữu vi. Vì thuộc về pháp thiện kia và quả ái, nên nói là thiện. Vì tăng trưởng công đức nên nói là tập và tu. Đó là nói tu đắc và tu tập (sự gần gũi là nghĩa của tập, gieo trồng là nghĩa của tu. Hiện tại gọi là tập, vị lai gọi là tu), nên nói là thiện hữu vi. Đối trị tu là đoạn tu. Tất cả pháp hữu lậu cũng nói là tu.

Hỏi: Những gì là tâm bất tương ưng hành?

Đáp:

*Vô tướng, hai chánh thọ
Cũng chủng loại chúng sinh
Cú, vị với danh thân
Mạng căn và pháp đắc.*

Vô tướng: Là chúng sinh của Vô tướng kia thọ sinh, tâm và tâm pháp diệt. Có thuyết nói: Chánh thọ quả Vô tướng. Có thuyết cho rằng: Đó là quả quyển thuộc của đệ Tứ thiền. Có thuyết nói: Cho đến có tâm, là quả có tâm, không có tâm, là quả không có tâm.

Hỏi: Tâm trước nhiều hay tâm sau nhiều?

Đáp: Có thuyết cho là tâm sau nhiều, tâm trước ít, vì muốn nhanh chóng nhập Vô tướng. Nói như vậy, thì tâm này không nhất định, hoặc tâm trước nhiều, hoặc tâm sau nhiều. Nếu dùng oai nghi này để nhập chánh thọ vô tướng, thì dùng oai nghi này nhập vô tướng trụ. Từ vô tướng đó khởi rồi chê bai thừa Niết-bàn, về sau nghiệp báo sẽ thọ sinh cõi Dục và nghiệp báo đó sẽ hết, vì không sinh khởi nghiệp khác.

Hai chánh thọ; đó là: Chánh thọ vô tướng và chánh thọ Diệt tận. Chánh thọ vô tướng, là ái của Biến tịnh đã hết, ái của cõi trên chưa hết,

trước là khởi tướng xuất ly. Tư duy về tâm, tâm pháp diệt, Từ cõi Dục khởi, không phải cõi khác. Đây là căn cơ nhạy bén. Phạm phu khởi, chẳng phải bậc Thánh, vì không có bậc Thánh nào đối với hữu lại tạo ra tướng xuất ly. Phương tiện mà được, không phải lìa dục bất thoái chuyển.

Hỏi: Chánh thọ vô tướng và vô tướng, có gì khác nhau?

Đáp: Chánh thọ vô tướng là nhân, vô tướng là quả, nhân chánh thọ là thiện, quả vô tướng là vô ký. Chánh thọ là có báo, vô tướng là báo, chánh thọ có hành, vô tướng không có hành.

Chánh thọ Diệt tận, nghĩa là lìa sự ham muốn của Vô sở hữu xứ, trước là dứt bỏ tướng và tư duy về tâm, tâm pháp diệt.

Hỏi: Chánh thọ của vô tướng này thế nào?

Đáp: Tâm, tâm pháp đều diệt, trung gian nối tiếp nhau, tâm bất tương ứng hành lưu chuyển theo và trụ trong các căn bốn đại. Đó là nói chánh thọ diệt tận. Chánh thọ khác như đã nói trong phẩm Định.

Chủng loại, nghĩa là sự giống nhau về chi tiết các căn, sự nghiệp, ăn uống của thân chúng sinh. Chủng loại đó có sáu thứ, đó là: Giới chủng loại, thú chủng loại, sinh chủng loại, xứ sở chủng loại, tự thân chủng loại và tánh chủng loại.

Giới chủng loại: Nghĩa là chúng sinh cõi Dục, là chủng loại của chúng sinh cõi Dục, cõi Sắc, cõi Vô Sắc cũng như vậy.

Thú chủng loại: Là ở đường nào, sinh ra chủng loại của đường đó. Sinh chủng loại, nghĩa là tiếp nhận đời nào thì có chủng loại của đời đó. xứ sở chủng loại, nghĩa là sinh ở bất cứ ngục nào, thì có chủng loại của ngục đó, cho đến đệ nhất hữu cũng như vậy.

Tự thân chủng loại, nghĩa là đồng sinh một cõi, một đường, một đời (một đời là một trong bốn cách sinh) mà có các thứ tự thân, ví như các loài chim, so sánh như vậy.

Tánh chủng loại, nghĩa là tánh bẩm sinh đồng là tánh chủng loại. Nếu sáu chủng loại giống nhau thì đó gọi là chủng loại. Cú là tập hợp các danh, vị, rốt ráo làm rõ nghĩa. Vị thân của chữ (Vị là chữ, tiếng Phạm là vị của trung hữu. Tiếng là khuôn phép của chữ, không phải là chữ của hình sắc như chữ ngày nay).

Danh là tên các pháp, dùng tên để làm rõ nghĩa, như gọi là nam, nữ. Mạng là sống lâu, nghĩa là ấm, giới, nhập không hư hoại.

Hỏi: Hoạt động của mạng và hoạt động của sự sống lâu, có gì khác nhau?

Đáp: Có thuyết cho là không có khác nhau, có thuyết cho là quả

của nghiệp đời trước gọi là sự sống lâu, quả của tu gọi là mạng.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn bỏ sự sống lâu của phần thứ năm?

Đáp: Vì việc của Phật là làm thiện rốt ráo, những sự khác là rốt ráo của Thanh văn. Hơn nữa, vì an trụ bốn Thánh chủng, vì hữu và mọi công cụ của hữu đều dứt hết, không còn gì.

Đắc, nghĩa là được các pháp, được thành tựu, đồng một nghĩa. (sau sẽ nói rộng).

*Gọi tánh phàm phu đó,
Và bốn tướng các pháp
Chẳng sắc, bất tương ưng
Nói là hành hữu vi.*

Tánh phàm phu, nghĩa là không được pháp Thánh. Bốn tướng: sinh, trụ, già, vô thường (đã nói trong phẩm Hành).

Chẳng phải sắc, nghĩa là các pháp này chẳng phải là tánh của sắc, vì nó không phải phần của bốn thứ và sắc tạo nên. Bất tương ưng, là không có duyên. Nói là hành hữu vi, nghĩa là Do cái khác mà làm và làm vì cái khác.

Hỏi: Các hành này có bao nhiêu thiện, bao nhiêu bất thiện, bao nhiêu vô ký?

Đáp:

*Hai thiện, năm thứ, ba
Nên biết bảy vô ký
Hai ở trong cõi Sắc
Một ở địa Vô Sắc.*

Hai thiện, đó là chánh thọ vô tưởng và chánh thọ Diệt tận, là tánh của tu thiện.

Năm thứ, ba: Nghĩa là đắc, sinh, trụ, già, vô thường là thiện trong thiện, bất thiện trong bất thiện, vô ký trong vô ký, vì sinh, v.v... là một quả với pháp. Đắc: Là chẳng phải không có phần mình. Nên biết bảy vô ký: Nghĩa là vô tướng, chủng, loại, cú, vị, danh, mạng căn, tánh của phàm phu.

Hỏi: Trong các pháp này, có bao nhiêu pháp thuộc về cõi Dục, bao nhiêu pháp thuộc về cõi Sắc, bao nhiêu pháp thuộc về cõi Vô Sắc?

Đáp: Hai pháp ở trong cõi Sắc, đó là trời Vô tướng, chánh thọ vô tướng thuộc về cõi Sắc, vì trời Vô Tướng là quả của đệ Tứ thiền, chánh thọ vô tướng thuộc đệ Tứ thiền.

Một ở địa Vô Sắc, nghĩa là chánh thọ Diệt tận thuộc cõi Vô Sắc, thuộc đệ nhất hữu.

*Hai côi nói có ba
 Ngoài ra ở ba côi
 Hữu lậu, vô lậu, năm
 Còn lại đều hữu lậu.*

Hai côi nói có ba, nghĩa là cú, vị, danh thân ở côi Dục, côi Sắc, chứ chẳng phải côi Vô Sắc, vì ở đó không có phần của tiếng nói.

Ngoài ra ở ba côi: Nghĩa là chủng loại, đắc, mạng căn, tánh phàm phu. Tướng của các đắc ở ba côi, vì phổ biến.

Hỏi: Có bao nhiêu hữu lậu, bao nhiêu vô lậu?

Đáp: Hữu lậu, vô lậu có năm, đó là bốn tướng hữu vi ở trong pháp vô lậu, tức là vô lậu. Trong pháp hữu lậu tức là hữu lậu, vì cùng một quả với pháp.

Đắc: Nghĩa là nếu đắc là hữu vi thì cũng như vậy. Nếu đắc thường diệt, hoặc hữu lậu, hoặc vô lậu, vì đều là phàm phu. Nếu đắc chẳng phải thường diệt, mà là hữu lậu, thì là vô ký, do nghĩa này, nói là lệ thuộc, không lệ thuộc.

Pháp khác thì dứt hết hữu lậu: Trời Vô tướng, chánh thọ vô tướng, chánh thọ Diệt tận, cú, vị, mạng căn, chủng loại của chúng sinh, gọi là tánh phàm phu, hoàn toàn hữu lậu vì thuộc về hữu.

Hỏi: Là Thánh pháp, gọi là tánh phàm phu, thế nào là xả? Thế nào là đoạn?

Đáp:

*Trong tâm vô lậu đầu
 Nên biết xả không được.
 Phàm phu trong các côi
 Diệt tận khi là dục.*

Nên biết, ngay trong tâm vô lậu ban đầu là không được xả: Nghĩa là lúc bậc Thánh mới sinh tâm vô lậu, là xả tánh phàm phu. Tâm vô lậu đầu tiên tương ứng với khổ, pháp nhãn, nên lúc tâm đó sinh, là xả tánh phàm phu. Nếu nói khởi rồi mới xả, thì khi vị ấy trụ ở khổ, pháp nhãn, lẽ ra chẳng phải bậc Thánh, vì không xả phàm phu, nên nói là lúc sinh, cho nên Phật nói, lúc hai pháp sinh, thì việc ấy rất ráo.

Việc bên trong là quyến thuộc của khổ pháp nhãn, việc bên ngoài là các thứ ánh sáng. Phàm phu trôi lăn trong các côi: Nghĩa là lúc phàm phu trôi nổi trong các côi, nếu chết ở địa này, thì xả địa này, nếu sinh địa kia, chính thì được địa kia. Vì vô ký không ẩn mất, vì chẳng phải rất ráo xả, vì không được Thánh pháp.

Lìa dục Diệt tận, nghĩa là nếu lìa dục ở địa này, nếu phàm phu và

bậc Thánh, bấy giờ, dứt tánh phàm phu ở địa này, vì vô ký không ẩn mất.

Hỏi: Ba vô vi có tướng gì?

Đáp:

*Dứt phiền não, lia buộc
Đó gọi là thường diệt
Không các tướng chướng ngại
Đó gọi là hư không.*

Dứt phiền não lia buộc, đó gọi là thường diệt, nghĩa là dùng trí tuệ dứt các phiền não như thân kiến, v.v... và quyến thuộc. Được ở đây là được lia trôi buộc. Các lia trôi buộc này gọi là thường diệt. (chủng loại, số lượng của bệnh và thuốc là tương đối).

Có thuyết cho: Chỉ có một việc diệt, vì không có phần mình, nên có đa số người được. Nếu ở đây mà được diệt được chứng, tức đây là Niết-bàn. Cho nên, Niết-bàn không chung. Tỳ-bà-sa nói: Ngay sự trôi buộc này, tức là đã lia sự trôi buộc. Nếu khác, nghĩa là thấy khổ dứt, kiết chủng đoạn, phiền não khác cũng nên dứt, làm việc tác chứng. Nếu vậy, các pháp đối trị sau này, sẽ trở nên vô dụng, chỉ vì pháp đó chưa rốt ráo, cho nên, các việc đều khác nhau, không có nhân tự phần, nên nói là không có tự phần. Việc không có nhân của tự phần này, cũng không có khổ, pháp nhãn và quyến thuộc khác, dù không có nhân tự phần, mà vẫn dựa vào nhân tự phần khác, vì không có phẩm chất kia, nên nói là phi phẩm.

Vì phiền não diệt, nên nói là Niết-bàn. Vì nói vô biên, nên nói là chẳng nói. Vì hơn tất cả pháp, nên nói là tối thắng. Vì quả của trí, nên nói là trí. Vì không gieo trồng, nên nói là vô sinh. Vì ở bên cạnh đạo giải thoát, nên nói là biên. Vì ra khỏi tất cả pháp nên nói là xuất, vì lia lỗi vô thường nên nói là mâu nhiệm.

Không có các tướng chướng ngại, nên nói là hư không, nghĩa là không chướng ngại các thứ sắc, vì có sự đến, đi, v.v... nên nói là hư không. Phải Thí dụ giả nói: Hư không chẳng phải sắc, cũng chẳng phải phi sắc. Nói hư không, nghĩa là nói thuận theo thế gian.

Có thuyết nói không phải không có hư không, vì nó chứa cái có. Vì nếu chẳng có hư không, thì không thể chứa cái có, vì chứa cái có, nên có việc hư không.

*Dựa vào các pháp duyên
Hữu, y và cảnh giới
Không đủ thì không sinh*

Đây diệt rõ đúng sai.

Tất cả pháp hữu vi đều dựa vào duyên và sức của cảnh giới mà sinh, vì nó yếu kém. Pháp đó không phải phần, cho nên không sinh. Như nhãn thức, dựa vào mắt, sắc, ánh sáng, hư không và sự nhớ nghĩ của ý thức kia hòa hợp nên sinh. Bất cứ một pháp nào không đủ thì bất sinh. Lúc thức khác hiện ở trước mặt, trong khoảng một niệm, mắt này diệt, mắt khác sinh. Vì các duyên không đủ, nên nhãn thức không sinh được. Nếu nhãn thức mà phải dựa vào mắt kia mới sinh thì bất sinh. Vì sự nương dựa v.v... đã diệt, nên cuối cùng vẫn bất sinh. Do trước, không có phương tiện mà diệt, nên nói chẳng phải thường diệt. Như nhãn thức, tất cả thân thức cũng đều như vậy. Vả lại, vô lậu là đạo tùy tín hành, do tinh tiến mà được, đạo tùy pháp hành chẳng phải thường diệt. Tất cả đạo, cũng như vậy, tùy theo nghĩa đó, đều phải biết rõ.

Hỏi: Nếu đạo thắng tiến này mà đắc, thì vì sao không thuộc về quả đạo?

Đáp: Vì có những việc khác, vì dứt trừ phiền não, siêng năng phương tiện nhưng vì không phải là thường diệt, cho nên không thuộc về quả đạo.

Hỏi: Tất cả pháp hữu vi, nói nhân cái gì làm nhân cho cái gì?

Đáp:

Nhân trước dường như tăng

Hoặc đều nương dựa sinh

Hai nhân và một duyên

Hoàn toàn nói đã sinh.

Nhân trước, dường như tăng, nghĩa là pháp trước làm nhân của pháp tương tự sau và tăng nhân chứ chẳng phải nhân kém, nghĩa là lúc tu pháp, hoặc trụ, gia tăng, chứ chẳng giảm, hoặc đều nương vào sinh, đó là nhân tương ứng và nhân cộng hữu.

Hai nhân và một duyên, hoàn toàn nói đã sinh, nghĩa là nhân tự phần nói đã sinh, chẳng phải chưa sinh. Cái trước là nhân cho cái sau. Cái chưa sinh thì không có trước sau. Nhân nhất thiết biến cũng như vậy. Duyên thứ đệ cũng nói là đã sinh. Về nghĩa nhân duyên, đã nói trong phẩm Hành.

Hỏi: Báo nên nói là số chúng sinh, hay không phải số chúng sinh?

Đáp:

Báo là số chúng sinh

Quả giải thoát hữu vi

*Có duyên nói câu hành
Đó là tướng khác chuyển.*

Báo là số chúng sinh: Nghĩa là báo gọi là nói số chúng sinh, vì không chung, không do mắt của người khác trông thấy, cũng không thành tựu, nghĩa của báo khác cũng như vậy. Mọi vật dụng áo cơm, nên biết là quả tăng thượng, quả công dụng, chẳng phải số chúng sinh, vì cộng.

Hỏi: Quả là thế nào?

Đáp:

*Quả giải thoát, hữu vi
Tất cả pháp hữu vi
Nói quả có nhân sinh
Vì là số duyên diệt.*

Cũng nói quả của đạo, về nghĩa của quả đã nói trong phẩm Nghiệp.

Hỏi: Thế nào là tâm, tâm pháp chuyển theo duyên?

Đáp: Có duyên gọi là câu hành, nếu có duyên, pháp cùng chuyển biến trong duyên, làm xong một việc.

Hỏi: Chuyển biến duyên nào?

Đáp: Đó là chuyển ở tướng khác, vì tâm, tâm pháp duyên với pháp khác, chẳng phải tự tánh. Vì sao? Vì không có hai quyết định, vì không tự hành động, vì cũng không duyên tương ứng với một hành, một duyên, cũng không duyên cộng hữu, vì đồng một quả. Về nghĩa này, sẽ nói rộng trong phẩm Trạch.

Hỏi: Tâm, tâm pháp có phương xứ, hay không có nơi chốn?

Đáp:

*Nhân khắp không phương xứ
Lúc sinh, tâm giải thoát
Phiền não ở tâm đạo
Đến lúc diệt là xả.*

Nhân khắp không có nơi chốn, nghĩa là nhân khắp của tâm, tâm pháp sinh, đó là nhờ hai mắt sinh một thức. Nhĩ, tỷ thức cũng giống như vậy.

Nếu có nơi chốn, thì lẽ ra chuyển biến chỉ trong một mắt. Nếu vậy, lẽ ra một mắt thấy sắc, không nên cả hai mắt đều thấy sắc. Về nghĩa này, đã nói trong phẩm Giới. Nếu nói có hai thức đều sinh tác dụng, là không đúng. Vì sao? Vì duyên thứ đệ thứ hai chẳng có phần.

Một thức trụ ở hai mắt, nhìn thấy sắc, là không đúng, vì không có

phần. Nếu một thức trụ trong hai mắt, thì lẽ ra phải có phần sinh. Nếu trụ ở mắt bên trái thì chẳng phải mắt bên phải, vì phương, xứ của chúng khác nhau. Đây là nói sai, vì cõi Vô Sắc không có chỗ dừng.

Nếu lại một thức, trụ trong hai mắt, thì trong thân căn giữa hai mắt đó lã ra cũng sinh tác dụng. Và nếu vậy thì hóa ra nhãn thức tức là thân thức. Nếu trung gian không sinh tác dụng, thì lẽ ra phải cắt đứt thành hai phần, chẳng phải một như trước đã nói, vì không có hai thức cùng sinh.

Hỏi: Tâm giải thoát ở đời nào?

Đáp: Tâm giải thoát lúc phát sinh, là lúc đạo sinh, là lúc phiền não diệt, cho nên, lúc đạo sinh là tâm giải thoát. Như bờ đê bị rò rỉ, nước ở đó chảy ra trước. Tâm giải thoát kia cũng giống như vậy. Lại có thuyết nói: Hết thấy tâm giải thoát ở vị lai, không phải chỉ có lúc sinh, chỉ vì sự giải thoát ban đầu, nên nói lúc sinh.

Hỏi: Lúc đạo sinh có dứt phiền não hay không?

Đáp: Phiền não ở ngay trong tâm đạo, cho đến lúc diệt là xả. Lúc đạo diệt, sự diệt phiền não cũng rất ráo. Lúc sinh là vị lai, làm sao đạo vị lai lại có khả năng rất ráo công việc. Cho nên nói, lúc đạo vô ngại diệt, là đã dứt phiền não rồi.

Hỏi: Hữu ái có bao nhiêu loại?

Đáp:

*Hữu, ái có năm thứ
Vô hữu chỉ một tướng
Sự ái, phiền não khác
Diệt tận là ba cõi.*

Hữu ái có năm thứ: Nghĩa là hữu ái tham, với hữu có năm thứ, đó là thấy khổ, tập, diệt, đạo dò tu đạo mà dứt. Do năm hạnh gieo trồng hữu tham.

Vô hữu chỉ có một tướng: Nghĩa là không có hữu ái, đó là kiến đoạn. Đã đoạn báo của mình, sinh lạc trước, là tu đạo đoạn. Vì sao? Vì kiến tham do thấy đạo dứt. Loại tham này, tùy theo quả báo. Vô thường khởi báo, là do tu đạo dứt, vì vô ký không ẩn mất. Báo, vô thường cũng như vậy, vì đồng một quả với báo cho nên không phải thấy đạo mà dứt. Duyên tham là do tu đạo mà dứt, chẳng phải nhất thiết biến. Tu đạo đoạn này không có hữu ái. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm thì không dứt mà không hành. Vì được đoạn kiến nuôi lớn, cũng như được hối, nghi nuôi lớn. Tu-đà-hoàn, Tư-đà-hàm cũng không hành.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói ba cõi: Cõi đoạn, cõi vô dục và cõi diệt. Ba cõi này thế nào?

Đáp: Các việc của ái, những phiền não khác và sự diệt tận, là ba cõi. Ái kia đã dứt hết, là cõi không có dục. Các việc đã hết là cõi diệt. Phiền não khác đã hết là cõi đoạn, vì nắm lấy gần để đối trị.

Luận giả nói rằng: “Trong Tu-đa-la của Đức Thế Tôn nói: Tất cả hành đều hết, gọi là cõi đoạn, cõi không có dục vọng và cõi diệt, cũng như vậy”.

Hỏi: Trong mười hai pháp thiện, bất thiện, vô ký ẩn mất, vô ký không ẩn mất của cõi Dục, cõi Sắc có ba, trừ pháp bất thiện, cõi Vô Sắc có ba cũng như vậy và Học, Vô học. Trong mười hai pháp này, bao nhiêu đắc trong tâm cấu uế, bao nhiêu đắc trong tâm thiện, bao nhiêu đắc trong tâm vô ký?

Đáp:

*Nếu được chín thứ pháp
Nên biết tâm cấu uế
Tâm thiện được sáu thứ
Vô ký tức vô ký.*

Nếu được chín thứ pháp, nên biết là tâm cấu uế: Nghĩa là lúc cõi và địa hoàn lại, cõi Dục, cõi Sắc được bảy tâm, (ở cõi trên mất, sinh lại cõi Sắc, được tâm vô ký của cõi Dục và ba tâm của cõi Sắc), và thiện của cõi Dục. Lúc căn thiện nối tiếp, được thối thời, được cấu uế và tâm học của ba cõi.

Ngoài ra không được, đó là pháp thiện, vô ký không ẩn mất của cõi Vô Sắc và vô học. Dù pháp thiện của cõi Vô Sắc, có một ít sự lui sụt được, đó là phần lui sụt, chỉ vì trong phần này có nói, đều không thành tựu mà được. Đó là nói về tắc thông, chứ chẳng phải trong một tâm, của một người mà được chín pháp.

Tâm thiện được sáu thứ, nghĩa là trong tâm thiện được sáu tâm: Vô ký không ẩn mất của cõi Dục, thiện và vô ký không ẩn mất của cõi Sắc, thiện học và vô học của cõi Vô Sắc. Các pháp này cũng nói để thông suốt, chẳng phải được cùng lúc.

Vô ký tức vô ký, nghĩa là vô ký không ẩn mất, tức được vô ký, không phải pháp nào khác, vì yếu kém.

Hỏi: Trong mười pháp phẩm đạo, có bao nhiêu căn tánh? Bao nhiêu chẳng phải căn tánh?

Đáp:

*Phẩm đạo có sáu pháp
Nên biết là căn tánh
Nếu các pháp tương ứng*

Đó gọi là tánh khác.

Phẩm đạo có sáu pháp, nên biết là căn tánh: Nghĩa là năm căn như tín, v.v... và hỷ giác chi, nên biết là căn tánh, vì được tướng của căn, các căn khác chẳng phải căn tánh.

Hỏi: Pháp tương ứng là tánh của mình hay tánh của người?

Đáp: Các pháp nếu tương ứng là nói vì tha tánh. Các pháp tương ứng với tha tánh, chẳng phải với tự tánh, vì không có một tánh, cùng khởi trong hai sát-na, vì trước và sau không hoà hợp, chính nó không tự tương ứng được. Về nghĩa này đã nói trong phẩm Hành.

Hỏi: Giải thoát ở đâu?

Đáp:

Được giải thoát trong duyên

Do Đại Tiên nói ra

Cũng có dứt mà buộc

Kiến đạo và tu đạo.

Được giải thoát trong duyên, do Đại Tiên nói ra: Nên biết là được giải thoát trong duyên, không có khả năng giải thoát đối với tương ứng, vì một sát-na, tâm sinh chung với phiền não. Chúng sinh ngu ở trong duyên, liền ở duyên kia khởi giải thoát, bất ngu phiền não.

Hỏi: Dứt tức là giải thoát phải chăng?

Đáp: Nếu giải thoát tức là dứt, thì cũng có dứt mà ràng buộc. Có một ít dứt mà không phải giải thoát, đó là khổ trí đã sinh mà tập trí chưa sinh. Dứt phiền não do thấy khổ dứt, dứt trừ nhất thiết kiến, sử, phược, do thấy tập mà dứt, vì duyên kia chưa dứt và tu đạo một phẩm dứt, tám phẩm khác buộc ràng, cho đến tám phẩm dứt. Vì một sử của phẩm thứ chín buộc ràng, mà tám phẩm kia, trước dứt, sau giải thoát. Phẩm thứ chín này, hề dứt là giải thoát ngay, tất cả phẩm khác cũng như vậy.

Hỏi: Kiến đế như thế nào để được tịnh bất hoại?

Đáp:

Hai giải ở ba đế

Bốn do thấy chánh đạo

Mà được tịnh bất hoại

Tu tập ở hai đời.

Hai kiến giải với ba đế, bốn đế, do thấy chánh đạo mà được tịnh không hư hoại. Khổ, tập, diệt, vô gián đẳng v.v... được pháp tịnh bất hoại và Thánh giới. Đạo vô gián đẳng v.v... được bốn tịnh bất hoại. Về nghĩa này nói trong phẩm Trạch.

Hỏi: Tu trong những đời nào?

Đáp: tu tập trong hai đời: hiện tại là tu tập, được hiện ở trước mặt, vị lai là tu đắc, không hiện ở trước mặt, được nối tiếp theo. Quá khứ chẳng phải tu, vì không có phần cho nhân hiện tại.

Hỏi: Những pháp nào đều chuyển với tâm?

Đáp:

*Tất cả các tâm pháp
Đều chuyển chung với tâm
Với các tướng tâm này
Tướng khác và sở tác.*

Nói tất cả các tâm pháp, đều chuyển chung với tâm, nghĩa là tất cả tâm pháp đều chuyển chung với tâm, vì đồng một quả với tâm.

Cũng như các tướng tâm này, khi tâm này sinh ra các tướng, cũng chuyển chung với tâm, cũng cùng một quả với tâm.

Tướng khác, nghĩa là tướng của tâm pháp này cũng chuyển chung với tâm và những việc đã làm gọi là vô tác, vì giới do tâm, cũng chuyển chung với tâm, cũng cùng một quả với tâm.

Hỏi: Pháp đoạn là thế nào?

Đáp:

*Pháp đoạn là hữu lậu
Người trí cũng vô cấu
Vị lai diệt, gọi xa
Pháp khác, gọi là gần.*

Đoạn pháp, là hữu lậu: vì có lỗi. Như chiếc áo có vết như thì giặt, chứ chẳng phải không như. Pháp đoạn kia cũng như vậy.

Hỏi: Thế nào là pháp biết?

Đáp: Sự hiểu biết cũng không có cấu uế, nếu là pháp hữu lậu, vô lậu, tất cả đều nói biết là tùy theo đó. Vì sao? Vì trừ sự không biết.

Hỏi: Thế nào là pháp xa?

Đáp: Vì diệt ở vị lai, nên nói là xa. Pháp của quá khứ, vị lai được gọi là xa, vì xa với thức hiện tại. Đây là nói sự cách xa về thời gian. Bốn nghĩa xa đã nói trong phẩm Hành. Cái khác là nói gần, nghĩa là hiện tại thì nói gần, vì có chung với thân thức. Vô vi được gọi là gần, vì không ràng buộc nơi chốn. Tùy các phương kia mà được diệt, vì do đạo chẳng phải thường diệt, vì là sự siêng năng mong cầu. Về nghĩa đời, đã nói rộng trong phẩm Giới.

Hỏi: Thế nào là pháp định?

Đáp:

Cái gọi nghiệp Vô gián

*Và các đạo vô lậu
Tuệ, được gọi là định
Kiến xứ là hữu lậu.*

Cái gọi nghiệp vô gián và các đạo vô lậu, tuệ được gọi là định: Nghĩa là nghiệp vô gián được gọi là tà định, vì định này dẫn đến địa ngục. Hành vô lậu được gọi là chánh định, vì định này hướng đến quả giải thoát, định khác là bất định.

Hỏi: Đức Thế Tôn ngồi dưới cội Bồ-đề, lập ba nhóm đối với tất cả chúng sinh: Vì giới hạn của phần chúng sinh mà lập, hay vì giới hạn của phần pháp mà lập? Nếu nói là của phần chúng sinh giới hạn, sao lại không gọi là chúng sinh biên, mà là chúng sinh vô biên? Nếu pháp của phần giới hạn thì Thanh văn lẽ ra cũng lập pháp, sao lại nói là pháp bất cộng của Như lai?

Đáp: Có thuyết nói: Phần chúng sinh giới hạn là cộng tướng, không phải tự tướng, đó là nói bốn loại sinh. Ngoại trừ bốn loại sinh này, không còn chúng sinh nào khác.

Hỏi: Nếu vậy, Thanh văn lẽ ra cũng lập, do đó Như lai và Thanh văn có gì khác nhau?

Đáp: Có khác nhau. Vì Đức Như lai tự lực kiến lập, còn Thanh văn theo Phật để nghe, đây là sự khác nhau. Có thuyết nói: Đức Như lai kiến lập phần chúng sinh giới hạn, còn Thanh văn Duyên giác lại lập giới hạn của pháp. Đức Thế Tôn lập ba nhóm chúng sinh rồi, nay vì đại bi nên vẫn còn luôn đem lại niềm an vui cho chúng sinh suốt ba thời trong ngày đêm, dùng Phật nhãn mà quán sát chúng sinh.

Hỏi: Thế nào là kiến xứ?

Đáp: Kiến xứ, là hữu lậu. Tất cả pháp hữu lậu đều là kiến xứ, đi chung với kiến cấu ứ. Nếu pháp cấu ứ, kiến duyên sử và tương ứng với sử, thì pháp đó là kiến xứ. Có thuyết nói: Vì sức duyên với kiến của giới mình, nên pháp hữu lậu được gọi là kiến xứ, chẳng phải duyên sử nào khác và chẳng phải phần nào khác, nói như vậy là tốt đẹp, nghĩa là như ở trước đã nói.

Hỏi: Nếu chúng sinh thành tựu căn, chúng sinh đó thành tựu bao nhiêu căn?

Đáp:

*Nói có mười chín căn
Là thành tựu rất nhiều
Ít nhất thành tựu tám
Hiểu rõ căn đã nói.*

Nói có mười chín căn là thành tựu rất nhiều, nghĩa là bậc Thánh thành tựu nhiều nhất là mười chín căn, đó là đủ các căn chưa lìa dục. Nếu trụ kiến đạo, trừ dĩ tri căn, vô tri căn và một hình. Nếu trụ tu đạo, trừ vị tri căn, vô tri căn và một hình. Phạm phu không dứt căn thiện, đủ các căn và hai hình, trừ ba căn vô lậu. Ít nhất thành tựu tám đã nói hiểu rõ căn, nghĩa là ít nhất thành tựu tám căn gọi là còn lại (nghĩa là thân căn chết dần dần, có phần ít căn còn lại). Căn thân, căn thiện dần dần dứt, khi qua đời sẽ đọa vào địa ngục Vô Trạch, bị núi lớn ép lại, chỉ có thân căn, mạng căn, ý căn và năm thọ căn. Nếu phạm phu sinh cõi Vô Sắc, thì có ý, mạng, xả và năm căn như tín, v.v...

Hỏi: Có bao nhiêu xúc?

Đáp:

Tăng ngữ và có đối.

Trong xứ minh, vô minh

Cái gọi là được quả

Tức là việc hai đạo.

Tăng ngữ (do nhiều danh, nên nói là tăng ngữ) và có đối, trong xứ của minh và vô minh. Tăng ngữ: Nghĩa là nếu ý thức thân tương ứng với xúc, duyên tất cả pháp thì gọi là tăng ngữ. Vả lại, vì duyên nhiều danh, nên nói là tăng ngữ. Dù xúc thứ năm cũng duyên nhiều danh, nhưng vì thức kia mới có tên nên không có lỗi. Nếu năm thức thân tương ứng với xúc, dựa vào căn có đối, nên nói là có đối.

Vô lậu gọi là minh, vì xúc tương ứng với minh. Sự cấu uế gọi là vô minh, vì xúc do vô minh sinh. Hữu lậu không cấu uế, nói là chẳng minh, chẳng phải vô minh, vì đều không tương ứng với xúc. Năm xúc này, tùy thuận, không tùy thuận, tương ứng y, vì phân biệt, nên nói có mười sáu thứ. Tùy thuận, không tùy thuận được kiến lập, nghĩa là sự ái, sân, tương ứng, xúc tương ứng. Vì phân biệt, nên nói xúc là khổ, vui, không khổ, không vui. Vì dựa vào sự phân biệt, nên nói có xúc của mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý.

Hỏi: Được quả là đạo vô ngại hay đạo giải thoát?

Đáp: Cái gọi là được quả, nghĩa là việc của hai đạo đều được, đó là đạo vô ngại và đạo giải thoát. Đạo vô ngại dứt phiền não, sẽ được đạo giải thoát, được chứng giải thoát. Lại nói đạo vô ngại được quả, đạo giải thoát bảo vệ những việc mà đạo vô ngại kia đã làm, không để mất mát, nên nói như vậy.

Hỏi: Đức Thế Tôn nói nhàm chán rồi lìa dục. Thế nào là nhàm chán, thế nào là lìa dục?

Đáp:

*Nếu trí ở nhân khổ
Và nhãn là nhàm chán
Vì lìa được tham dục
Nói bốn là lìa dục.*

Nếu trí ở nhân khổ và nhãn là sự nhàm chán, nghĩa là duyên khổ trí, tập trí và nhãn, gọi là nhàm chán, vì duyên là việc đáng nhàm chán, vì khổ, tập đế là chỗ nương dựa của phiền não, hành động ác, nên nói là những việc nhàm chán.

Vì lìa được tham dục, nên nói bốn là lìa dục, nghĩa là nếu nhãn và trí chuyển biến hết cả bốn đế, nói là lìa dục, vì làm hoại tham dục. Dù lìa tất cả phiền não, chỉ cần tham dục là đủ các phiền não, cho nên nói là lìa dục. Chỉ vì ghét mà không thích trái với ác, đó là khác với nhàm chán. Lìa dục là diệt, giải thoát là dứt hết, đây là điểm khác với lìa dục.

Hỏi: A-la-hán trụ tâm nào để nhập Niết-bàn?

Đáp:

*A-la-hán trụ báo sinh
Cùng với tâm oai nghi
Vì thuận theo tâm diệt
Hương về bát Niết-bàn.*

A-la-hán trụ báo sinh và tâm oai nghi mà nhập Niết-bàn. Vì sao? Vì thuận theo tâm diệt. Tâm thiện trụ vững chắc, là không thuận theo tâm diệt. Tâm vô ký yếu kém, vì yếu kém nên thuận theo tâm diệt. Lại nữa, vì ít lỗi nên tâm thiện dựa quả báo, vì quả môn quá sinh. Vô ký chỉ có dựa quả môn, không có báo quả môn.

Lại nữa, vì quay lưng lại các đường, nếu hương về các đường, người đó phải có tâm thiện siêng năng hiện ngay ở trước mặt, không để mình đọa trong đường ác. Thế nên, người đó vì chống chọi với tất cả đường, nên trụ tâm tánh thường còn. Có lúc tâm thiện trong phần thân kia trống không như dứt căn thiện, tâm bất thiện cũng trống không như lìa sự ham muốn cõi Dục.

Lại nữa: Dấn vì lìa sanh tử, nghĩa là ở ngay trong cõi Dục, lìa dục, lìa tâm bất thiện, lìa dục đệ nhất hữu, lìa dục tâm nhiễm ô. tâm vô ký hiện ở trước mặt, lìa tâm thiện, tâm qua đời hiện ở trước mặt, lìa tâm vô ký.

Tôn giả nói (đây là Đạt-ma-đa-la lấy truyện cổ tích Đạt-ma-đa-la làm Tôn giả): Siêng năng liên tục, nghĩa là tâm thiện, người đó lúc qua

đời không chuyển biến theo.

Có thuyết nói: Vì muốn cho địa dưới có quả báo không khổ, không vui, nên người kia nói cõi Dục, cho đến báo sinh của đệ Tứ thiên và tâm oai nghi bát Niết-bàn. Cõi Vô Sắc chỉ có báo sinh, chẳng phải oai nghi, vì sắc không có phần.

Có người muốn cho địa dưới không có quả báo không khổ, không vui, nên người đó nói cõi Dục, cho đến đệ Tam thiên, chỉ có an trụ tâm oai nghi, bát Niết-bàn. Ngoài ra như trên đã nói.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ hữu?

Đáp:

*Sinh hữu và hoại hữu
Bổn hữu cũng lại trung
Nên biết hai sát-na
Một nhiễm ba hữu hai.*

Sinh hữu và hoại hữu, bổn hữu cũng lại trung: Nghĩa là sinh hữu gọi là phần sinh. Vì năm ấm có chung với sinh nên gọi là sinh hữu, là nghĩa của tâm tương tục cùng sinh.

Hoại hữu: Nghĩa là tử biên, vì năm ấm đi chung với cái chết, nên gọi là tử hữu, nghĩa là không đi chung với tâm.

Bổn hữu: Nghĩa là trừ năm ấm của phần sanh, phần tử. Hữu trung gian kia, do nghiệp trước đã gieo trồng từ lâu, nên gọi là bổn hữu. Trung hữu, nghĩa là trong khoảng thời gian từ khi chết, cho đến lúc chưa được sinh hữu khác, trong khoảng hưởng đến hữu thọ sinh khởi, năm ấm không thuộc về đường nào, vì khởi ở giữa hai bên, nên gọi là Trung hữu.

Hỏi: Các hữu này có bao nhiêu sát-na? Trụ được bao lâu?

Đáp: Nên biết hai sát-na tử hữu và sinh hữu, đều trong khoảng khắc sát-na không trụ lâu. Do nghĩa này, nên biết bổn hữu, trung hữu đều trụ lâu.

Hỏi: Có bao nhiêu nhiễm ô, bao nhiêu không nhiễm ô?

Đáp: Một nhiễm ô, ba hữu có hai, sinh hữu hoàn toàn nhiễm ô. Vì tâm nhiễm ô, nên sự sanh nối tiếp nhau nhiễm ô. Phạm phu ở cõi Dục kia có ba mươi sáu sử, mỗi sử đều khiến sự sanh nối tiếp nhau. Bạc Thánh tu đạo dứt trừ bốn sử mỗi sử cũng như vậy. Phạm phu cõi Sắc có ba mươi một sử, mỗi sử đều khiến sự sanh nối tiếp nhau. Bạc Thánh có ba sử, cõi Vô Sắc cũng như vậy. Sử khiến cho sự sanh nối tiếp nhau, không phải cấu ứ ràng buộc. Hữu khác thì có nhiễm ô, không nhiễm ô.

Hỏi: Người tu hành có bao nhiêu thời gian bị nghiệp làm chướng ngại?

Đáp:

*Nếu lìa dục cõi Dục
Vượt qua hữu thứ nhất
Cùng với khởi pháp nhãn
Rất bị nghiệp chướng ngại.*

Ba thời gian tu hành ở đây: Nghiệp rất làm chướng ngại, đó là lúc bậc Thánh lìa dục cõi Dục, nghiệp cõi Dục đó, rất làm chướng ngại, nghĩa của lời này là: Nếu ông lìa dục, ta sẽ thọ báo ở đâu? Vì bậc Thánh khi lìa dục cõi Dục, không còn thọ sinh ở cõi Dục, vì đã dứt hết sanh tử.

Vì đến lúc chết được quả không lui sụt, nghĩa là khi chứng quả A-la-hán, vị ấy đời sau thọ báo, thì nghiệp rất làm chướng ngại, nghĩa là nói: Ông đã vượt qua hữu thứ nhất, không còn chỗ sinh, ta sẽ thọ báo ở đâu? Đó là lúc trụ ở pháp Đảnh, khởi pháp Nhãn, vị ấy thọ báo đường ác, do nghiệp rất làm chướng ngại. Khởi pháp nhãn là lìa hẳn đường ác, ngoài ra như trước đã nói.

Hỏi: Việc này có bao nhiêu thứ?

Đáp:

*Nên biết có năm thứ
Là tự tánh và nhân
Ràng buộc, hoặc thâm nhiếp
Sự của mọi cảnh giới.*

Năm thứ sự là: Tự tánh sự, nhân sự, hệ sự, thâm nhận sự và cảnh giới sự. Tự tánh sự, nghĩa là nếu pháp là tánh của mình, do sự mà đặt tên, như nói: Nếu đắc sự, là đã thành tựu sự đó. Nhân sự nghĩa là như đã nói: Thế nào là pháp có sự? Là lời nói có nhân. Hệ sự nghĩa là như nói: Nếu sự này bị ái kiết trói buộc, tức là sự kia bị giận dữ trói buộc chăng? Năm thứ pháp kia đã do sự (năm thứ pháp là năm hành), nên được gọi là nhiếp thọ sự (như là thọ của thọ lấy). Như đã nói, việc nhà, việc ruộng là như vậy. Cảnh giới sự, nghĩa là như nói: Tất cả pháp được trí nhận biết, đều tùy vào sự đó. Nếu là pháp, pháp ấy duyên lấy sự mà đặt tên. Lại có năm thứ sự khác.

*Nói ám tức là sự
Giới nhập, sự cũng vậy
Và sát-na thế gian
Đó gọi năm thứ sự.*

Nếu nói ấ, tức lấy ấ làm sự, không phải lấy thứ nào khác. Như vậy, cho đến nói sát-na, chính là lấy sát-na làm sự, không phải lấy thứ nào khác. Như vậy, nói lược là đồng thật, mà khác tên, đều phải biết.

Hỏi: Như phẩm Nghiệp nói năm thứ quả là thế nào? Chỉ có quả này hay còn có quả nào khác nữa chẳng?

Đáp: Có sự ham muốn, khiến lại có bốn quả.

*Dục-đa-bà-đê nói
An lập và phương tiện
Cũng nói hòa hợp, tu
Đó gọi là bốn quả.*

Quả an lập: Là như nước trụ ở phong luân, thủy luân là quả an lập trên phong luân, tất cả đều như vậy.

Quả phương tiện, nghĩa là từ phương tiện quán bất tịnh, cho đến khởi trí tận, trí vô sinh. Trí tận, trí vô sinh kia là quả phương tiện của quán bất tịnh. Tất cả phương tiện như vậy (đấy là lấy nhân để tìm quả, hướng đến phương tiện) đều nên biết.

Quả hòa hợp: Nghĩa là các thứ như: Mắt, màu sắc, ánh sáng, niệm, hòa hợp sinh nhãn thức. Pháp như vậy pháp sinh ra từ hòa hợp, pháp này là quả hòa hợp.

Quả tu: Nghĩa là sắc giới đạo dục giới hóa, hóa và làm ngôn ngữ cõi Dục. Sự hóa và ngôn ngữ kia, là quả tu đạo của cõi Sắc, tất cả như vậy.

Hỏi: Có bao nhiêu thứ thần túc? (tiếng Phạm là túc địa, hoặc nói thần túc, hoặc nói như ý túc, hoặc nói tự tại, hoặc nói phú mãn.v... đều có nghĩa dịch thoát, không hoàn toàn đúng ý chính).

Đáp:

*Vận thân và ý giải
Ý niệm tự tại thông
Ý niệm chỉ có Phật
Nên biết hai là chung.*

Ba thứ lợp tại: Là vận thân tự tại, ý giải tự tại và ý niệm tự tại. Vận thân tự tại: Nghĩa là cất mình lên hư không như chim bay. Ý giải tự tại, nghĩa là xa mấy cũng cho là gần, trong khoảnh khắc co duỗi cánh tay, đã đến Sắc Cứu Cánh. Ý niệm tự tại: Nghĩa là nhãn thức đến với sắc, trong khoảnh khắc ý liền đến. Ý niệm tự tại này, chỉ có Phật, không ai khác có được, vì Nhất thiết trí biết được đến cả bờ giác.

Nên biết hai là chung, nghĩa là vận thân tự tại và ý giải tự tại thì Như lai, Duyên giác, Thanh văn đều có, vì là quả của thiên.

Hỏi: Tất cả A-na-hàm có nhập vào quả cõi Sắc, cõi Vô Sắc không? Tất cả tín giải thoát có được kiến đạo không? Tất cả pháp lui sụt, đều phải lui sụt chăng?

Đáp:

*Nhập cõi Sắc, Vô Sắc
Cũng là căn tăng ích
Cùng với Hiền, Thánh thoái
Sinh định trung gian không.*

Bậc Thánh lại thọ sinh: Nghĩa là như trước đã nói: Nhân duyên khác, nhất định không. (Thọ sinh trở lại, là nhất định không đến hai cõi trên, cũng là căn không tiến thêm, cũng không lùi xuống).

Thọ sinh lại: Nghĩa là cõi Dục sau khi được quả, lại sinh cõi Dục. Sự nhàm chán ở trong thai thấy lỗi của hữu, không nhập cõi Sắc, cõi Vô Sắc, vì ở đó, tuổi thọ lâu dài. Vì tu Thánh đạo khá lâu mà căn không thể tiến bộ thêm, vì cõi dưới như bạn thân không thể lìa bỏ. Sự thọ sinh kia cũng như vậy. Tu tập Thánh đạo, sinh ở trung gian, nên không lui sụt.

Hỏi: Đức Phật xuất hiện ở thế gian vào thời kỳ nào? Vua Thánh Chuyển luân ra đời vào thời kỳ nào? Bích-chi-Phật ra đời vào thời kỳ nào?

Đáp:

*Kiếp giảm, Phật ra đời
Vua Chuyển luân kiếp tăng,
Bích-chi-Phật cả hai
Như vậy cần phải biết.*

Vào thời kiếp giảm, Đức Phật xuất hiện ở thế gian, làm thầy thuận giải thoát, nên Đức Phật là sư giải thoát. Đã lìa bỏ sự sống chết, xuất hiện ở thế gian nói pháp. Vào thời kỳ tăng, chúng sinh hướng về sự sống chết, cái thấy chuyển hướng theo sự vui sướng. Nếu bấy giờ, Đức Phật ra đời, thì vô ích, vì chúng sinh không thể bỏ sự sống chết, vì đã quá mê đắm.

Thời kỳ kiếp giảm, chúng sinh đã có quay lưng lại cái thấy về sinh tử, phiền não hành vi ác tăng quá nhiều nên có khả năng lìa bỏ sinh tử. Thế nên, cho đến thời kỳ chúng sinh trăm tuổi, thì Đức Phật mới ra đời. Không phải giảm, vì nếu giảm, thì bấy giờ, chúng sinh sẽ sinh lòng tham phi pháp, tham bất chính, tu theo tà pháp, thích sinh lên cõi trời, siêng làm lợi cho phiền não, nên chẳng phải pháp khí thiện.

Vua Thánh Chuyển luân, phần đông ra đời vào thời kỳ tăng, có thể dùng mười điều thiện, để kiến lập chúng sinh. Do vậy, trong thời

kỳ giảm, Phật không ra đời, vì chúng sinh kia đều hướng về hành vi ác. Thế nên, vào thời kỳ tăng, thì việc giáo hóa rất dễ dàng, vì thời đại thuận hậu.

Đầu tiên vào thời kỳ giảm vua Thánh Chuyển luân cũng ra đời, vì đời còn thuận hậu. Bích-chi-Phật ra đời vào cả hai thời kỳ để tu pháp của mình.

Hỏi: Đắc là vì có đắc mà được hay là vì không có đắc mà được? Nếu là đắc lại có đắc nữa thì đắc này còn có đắc khác, làm sao chẳng phải không cùng cực. Nếu không có đắc mà được thì đắc này làm sao thành tựu?

Đáp:

*Nếu các pháp kia sinh
Hai đắc cùng khởi chung
Hai đắc đều sinh ra
Biết có đắc mà đắc.*

Nếu các pháp sinh, tức là pháp kia hai đắc đều cùng đắc và đắc đắc. Vì sức của đắc kia, nên thành tựu pháp và đắc đắc. Vì sức của đắc, nên thành tựu đắc, do đắc và đắc đắc, đều cùng trong một nhất tâm lần lượt đắc nhau. Thế nên, chẳng phải vô cùng. Sắc ấm, hành ấm kia là một đắc, ấm khác cũng như vậy. (đắc đầu tiên có thể được một ấm và được đắc nhỏ)

Hữu vi, vô vi là một đắc (đắc đầu tiên có thể được vô vi và được đắc nhỏ). Giới thiện, giới ác của cõi Dục, nếu thuộc về quá khứ là đắc của ba đời, nếu thuộc hiện tại là đắc của hiện tại, vị lai. Nếu thuộc về vị lai tức là đắc vị lai.

Việc thiện và bốn ấm cấu uế của cõi Dục. Năm ấm thiện của cõi Sắc và bốn ấm cấu uế. Thiện của cõi Vô Sắc và bốn ấm cấu uế. Năm ấm vô lậu và tâm biến hóa cùng sinh ra bốn ấm.

Ba đời thì đắc ba đời, tùy loại mà đắc. Bốn ấm oai nghi, phần nhiều do thế gian đoạn và sát-na đoạn mà đắc. Nếu người tu thiện kia, thì đắc ba đời, sự khéo léo cũng như vậy. Sắc của vô ký và bốn ấm của sinh báo, do thế gian đoạn và sát-na đoạn mà đắc, quá khứ của quá khứ, vị lai của vị lai và hiện tại của hiện tại.

Hỏi: Khổ pháp nhãn có bao nhiêu đắc, cho đến đạo tử nhãn có bao nhiêu đắc?

Đáp:

*Các đắc có mười lăm
Đắc ở khổ pháp nhãn*

*Ngoài ra kiến tăng đạo
Nên biết mỗi mỗi giảm.*

Các đắc có mười lăm đắc ở khổ pháp nhãn: Nghĩa là khổ, pháp nhãn có mười lăm đắc, kiến đạo có mười lăm tâm, nên tất cả tâm kia, đều được sinh một đắc, sinh chung với nhãn kia mười bốn đắc sinh sau. Ngoài ra, kiến tăng đạo, nên biết: Mỗi mỗi giảm: Nghĩa là kiến đạo gọi là kiến tăng, vì là tuệ tăng thượng. Kiến đạo khác dần dần vượt qua, trong mỗi tâm đắc lần giảm.

Khổ pháp trí có mười bốn đắc, một đắc sinh chung, còn mười ba đắc sinh sau, không có sinh trước, vì chưa từng được. (Khổ, pháp trí đều cùng sinh đắc, vì nay mới khởi, không có sinh trước nên chỉ có mười bốn đắc, đắc khác vì không có sinh trước, nên giảm ít dần).

Khổ tỷ nhãn có mười ba đắc, một đắc cùng sinh, còn mười hai đắc sinh sau. Khổ, tỷ trí có mười hai đắc, một đắc cùng sinh, mười một đắc sinh sau, cho đến đạo tỷ nhãn có một đắc cùng sinh, không có đắc sinh sau, vì kiến đạo rốt ráo, cũng không có sinh trước, vì chưa từng được nhãn (đã không có khởi sau, lại không có sinh trước, nên chỉ có một).

Hỏi: Giải thoát đắc, thuộc về địa nào?

Đáp:

*Nếu ở trong địa kia
Đoạn và hoại đối trị
Liên thuộc giải thoát đắc
Pháp trí, tỷ trí phẩm.*

Nếu ở trong địa kia đoạn và hoại đối trị, liên thuộc giải thoát đắc: Có thuyết nói: Nếu địa kia dứt đối trị, thì địa đó là giải thoát đắc, tức là gồm nhiếp địa kia, vì đoạn đối trị. Nói như vậy, nghĩa là kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn của cõi Dục là giải thoát đắc, thuộc về thiên vị lai. Sơ thiên địa thuộc về Sơ thiên vị lai và thiên trung gian: Đệ Nhị thiên, thuộc về bốn địa, tức là ba địa trước và đệ Nhị thiên. Đệ Tam thuộc về năm địa, tức là bốn địa trước và đệ Tam thiên. Kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn của đệ Tứ thiên và kiến đạo đoạn của Vô Sắc, thuộc về sáu địa, tức năm địa trước và đệ Tứ thiên. Tu đạo đoạn của không xứ, thuộc về bảy địa, tức sáu địa trước và không xứ. Tu đạo đoạn của thức xứ thuộc về tám địa tức bảy địa trước và thức xứ. Vô sở hữu xứ và tu đạo đoạn giải thoát đắc của Phi tưởng Phi phi tưởng xứ thuộc về chín địa: Vị lai, trung gian, bốn thiên căn bản và ba Vô Sắc.

Lại có thuyết nói: Nếu thuộc về địa kia, đoạn đối trị và hoại đối trị, đó là nói kiến đạo đoạn, tu đạo đoạn của cõi Dục, cõi Sắc. Kiến đạo

đạo giải thoát đắc của cõi Vô Sắc, thuộc về sáu địa. Tu đạo đoạn của cõi Vô Sắc, như trước đã nói.

VỀ pháp trí, tỷ trí phẩm: Lại có thuyết nói: Nếu là phẩm, pháp trí của địa thì kiến đạo, tu đạo đoạn giải thoát đắc của cõi Dục, tức thuộc về địa kia. Nếu là phẩm tỷ trí của địa, thì kiến đạo, tu đạo Đoạn giải thoát đắc của cõi Sắc, cõi Vô Sắc, tức thuộc về địa kia. Đây là nói giải thoát đắc của cõi Dục thuộc về sáu địa và giải thoát đắc của cõi Sắc, Vô Sắc thuộc về địa.

Hỏi: Nếu đạo đều khởi đắc, thì đắc đó có phải là nhân cùng sinh đạo không? (Chỉ trừ nhân đã làm, nhân khác thì hỏi chung).

Đáp:

Đều khởi đắc với đạo

Đều khởi, chẳng phải nhân

Đạo chẳng phải nhân kia

Khởi sau, hoặc có, không.

Đều khởi đắc với đạo, đều khởi chẳng phải nhân (đạo đều cùng khởi với đắc, đã không phải là nhân chung, lại vì không có nhân khác, nên không có nhân), nghĩa là đạo cùng khởi đắc, đạo đó, chẳng phải là nhân của đạo, vì không phải một quả. Không là một quả, thì không có nghĩa của nhân chung. Đạo cũng chẳng phải nhân kia, nghĩa là đắc là đạo đều khởi, cũng không phải nhân của đắc, cũng không phải một quả.

Hỏi: Thế nào là đắc khởi sau?

Đáp: Đắc khởi sau, hoặc có, không. Trước đạo khởi đối với đắc khởi sau, hoặc có nhân, hoặc không nhân, tương tự với tăng đạo đắc ở sau, làm nhân cho tương tự tăng giải thoát đắc, không phải đạo hạ đắc, làm nhân cho đạo giải thoát hạ đắc (vì đây là nhân tự nhiên, nên không làm nhân trung, thượng, không phải là nhân của địa trên, địa dưới). Là khổ, pháp nhãn có một đắc, đều cùng sinh, đắc đó không phải nhân của nhãn, nhãn cũng chẳng phải là nhân của đắc.

Khổ pháp trí có ba đắc, đều cùng sinh: Đắc của hai đạo, đắc của một giải thoát. Khổ pháp trí, chẳng phải là nhân của các đắc, các đắc đó, cũng không phải là nhân của khổ pháp trí. Khổ pháp nhãn kia là nhân của ba đắc. Khổ tỷ nhãn có bốn đắc đều cùng sinh: Ba đạo đắc, một giải thoát đắc. Khổ tỷ nhãn không phải là nhân của các đắc kia, các đắc kia, cũng không là nhân của nhãn. Khổ pháp trí là nhân của ba đắc, không phải khổ pháp nhãn là nhân của đắc, vì nhãn yếu kém (Tỷ nhãn, tỷ trí và giải thoát đắc). Khổ tỷ trí có sáu đắc đều cùng sinh: Bốn

đạo đắc, hai giải thoát đắc. Khổ tử trí không phải là nhân của các đắc kia, các đắc kia cũng chẳng phải nhân của trí. Nhân của ba đắc khổ tử nhãn không phải là nhân của ba đắc, đó gọi là đắc trong pháp trí phẩm, cho đến đạo tử nhãn có hai mươi hai đắc đều cùng sinh, mười lăm đạo đắc và bảy giải thoát đắc: Đạo tử nhãn không phải là nhân của các đắc kia, các đắc kia, cũng không phải là nhân của nhãn.

Đạo, pháp, trí là nhân của ba đắc (Pháp trí tự ở vị lai đắc, giải thoát đắc và tử nhãn đắc, làm nhân tự nhiên. Các đắc dưới vì yếu kém nên chẳng phải nhân), chẳng phải nhân khác.

Hỏi: Không không thuộc về hành nào? Tự tánh nào? Duyên nào? Địa nào?

Đáp:

*Hành không, trụ có như
 Đây nói là không không
 Nói cảnh giới Vô học
 Ở nơi mười một địa.*

Hành không sinh rồi, không không mới khởi sau. Hành không là quán năm thanh ấm không. Không không kia, khởi nơi không tư duy không kia. Như người lúc đốt tử thi, cầm gậy trở qua trở lại, sau đó mới đốt bỏ cây gậy. Hành không kia cũng như vậy.

Có cấu uế là nghĩa hữu lậu. Vì ràng buộc Thánh đạo. Không không ràng buộc Thánh đạo, chẳng dùng Thánh đạo ràng buộc Thánh đạo, dùng hành nhằm chán của vô lậu không duyên với vô lậu.

Trụ: Là tự tánh của tam-muội. Không không: Là ở trong không mà hành nghĩa không. Cảnh giới vô học: Lấy nghĩa vô học làm duyên, đó là hành không vô học là duyên của học kia. Lại nói duyên không hành năm ấm đều cùng sinh. Mười một địa: Vì là hữu lậu, khắp cảnh giới đều không. Mười một địa của không không, từ cõi Dục cho đến Phi tưởng Phi phi tưởng xứ.

Hỏi: Thế nào là vô nguyện của vô nguyện?

Đáp:

*Thực hành hạnh vô thường
 Là vô nguyện của vô nguyện
 Điều ở chỗ bất động
 Cõi Dục khác: Như trước.*

Thực hành hạnh vô thường, là vô nguyện vô nguyện: Nghĩa là hạnh vô thường tương ứng với vô nguyện. Quán năm thanh ấm vô thường, với pháp quán đó, khởi vô nguyện vô nguyện. Tư duy vô

nguyện vô thường, hành khổ khổ, đó là điên đảo, Thánh đạo không phải tánh của khổ, cũng không phải hành của nhân, v.v... vì trái với Thánh đạo (vì vô nguyện vô nguyện trái với Thánh đạo, nên hành không làm nhân, v.v...). Nếu hành làm nhân v.v... thì lẽ ra thuận với Thánh đạo, nhưng hành kia lại ràng buộc Thánh đạo, trái với Thánh đạo, nên cũng không làm hành của đạo, v.v... Vì hành của đạo v.v... thì ưa thích đạo. Đều ở chỗ bất động, nghĩa là trước đây đã nói, không không và vô nguyện vô nguyện. Hai hành này là pháp bất động, A-la-hán nên có khả năng làm tam-muội hiện ở trước mặt, vì có uy lực, vì lìa phiền não.

Kiến đáo: Nghĩa là dù lợi căn, được Tam-muội tự tại, nhưng vì chưa lìa phiền não. Thời giải thoát tuy lìa phiền não, mà không được Tam-muội tự tại. Vì căn cơ chậm lụt. Bất thời giải thoát, được Tam-muội tự tại, vì là lợi căn, vì đã lìa sự ham muốn của ba cõi, cho nên Tam-muội có thể hiện ở trước, không phải căn nào khác. Cõi Dục, nghĩa là cõi Dục hiện ở trước mặt, phần nhiều nói từ sức mà khởi, chứ không phải pháp nào khác. Là ba phương khác trừ châu Uất-đơn-việt. Ngoài ra như trước đã nói, nghĩa là những việc khác như nói ở không không.

Là vô tướng vô tướng

Hành kia ở tịch chỉ

Hành ở vô ký diệt

Còn lại như trước nói.

Là vô tướng, vô tướng, hành kia ở tịch chỉ: Vô tướng nghĩa là thường diệt, quán tịch chỉ. Ở đó, về sau khởi hạnh vô tướng vô tướng. Nghĩa là nói ông không phải thường diệt, cũng tịch chỉ (định vắng lặng).

Hỏi: Pháp quán đó duyên gì?

Đáp: Hành ở vô ký, diệt chẳng phải thường diệt, là duyên kia, là vô ký, cũng không khởi, không phải thường diệt, không khởi như trước. Vì nghĩa này, nên không nói diệt hành, vì có hai thứ diệt: Chẳng phải thường diệt và vô thường diệt. Nếu nói là diệt hành, thì không biết là diệt cái gì. Cũng không phải là hành diệt, xuất, vì vô ký chẳng phải diệt, chẳng phải xuất, vì chẳng phải do ba tướng mà thành.

Ngoài chỉ ra, như trước đã nói: Nghĩa là ngoài ra như thuyết không không. Đã nói. Lại, Tam-muội kia, khi lợi căn sinh tận trí, được phương tiện sau, hiện ở trước. Đức Phật không phương tiện, Bích-chi-Phật ít phương tiện, Thanh văn hoặc trung, hoặc thượng. Không không, vô nguyện vô nguyện, pháp trí, tỷ trí, khổ trí, về sau hiện ở trước. Vô tướng, vô tướng, pháp trí, tỷ trí và diệt trí, về sau đều hiện ở trước.

Nếu Tam-muội cõi Dục thuộc về thiền vị lai, thì Thánh đạo về sau mới khởi. Nếu Phi tướng Phi phi tướng địa, Vô sở hữu xứ thì Thánh đạo về sau mới khởi, ngoài ra là thứ lớp tự địa.

Hỏi: Vượt lên trên Tam-muội, chánh thọ thế nào?

Đáp:

*Vượt qua Tam-ma-đề
Trên, dưới đến thứ ba
Không nhớ nghĩ tư duy
Siêu vượt duyên cũng vậy.*

Vượt qua Tam-ma-đề, trên dưới đến thứ ba: Nghĩa là lúc vượt lên trên Tam-muội. Chánh thọ theo thứ lớp, vượt Sơ thiền hữu lậu, đệ Nhị thiền hữu lậu hiện ở trước. Theo thứ lớp như vậy, cho đến Phi tướng Phi phi tướng xứ. Sau đó, cũng thứ lớp trở lại cho đến Sơ thiền. Ở các địa này khéo tu tập rồi, khởi Sơ thiền vô lậu, thứ lớp cho đến Vô sở hữu xứ.

Lại nữa, theo thứ lớp, trở lại đến Sơ thiền. Ở địa này khéo tu tập rồi, lại khởi chánh thọ Sơ thiền hữu lậu, xuất Sơ thiền nhập vào đệ Tam thiền hữu lậu, xuất đệ Tam thiền nhập vào Không xứ, xuất Không xứ nhập Vô sở hữu xứ. Vượt qua ngược lại, cũng như thế. Địa này khéo tu tập rồi, sau đó khởi chánh thọ vô lậu vượt qua. Đó gọi là phương tiện siêu việt. Sau đó, có thể Sơ thiền hữu lậu vượt theo thứ lớp, nhập chánh thọ vô lậu đệ Tam thiền. Đệ Tam thiền vô lậu, theo thứ lớp Không xứ hữu lậu. Không xứ hữu lậu lần lượt đến Vô sở hữu xứ vô lậu, vượt nghịch cũng như vậy, đó gọi là siêu việt chánh thọ thành tựu. Vì cách xa, nên không khởi chánh thọ thứ tư. Ba phương bất thời giải thoát có thể khởi, chẳng phải phương nào khác. Vì sao? Vì đã lia phiền não, vì uy lực của Tam-muội tự tại, như ở trước đã nói. Và không nhớ nghĩ tư duy về duyên khởi cũng vậy: Nghĩa là nếu không cấu uế, mà dứt cảnh giới, thì nhân kia không nhớ nghĩ tư duy. (cảnh giới có xen hở gọi là đoạn, hoặc có tâm nhiễm, mà duyên cảnh giới đoạn nên nêu ra không nhiễm để phân biệt nhân riêng. Không nhớ nghĩ tư duy, tự nhiên có thể duyên vượt lên đến Tam thiền), cũng đến đệ Tam thiền, nghĩa là Sơ thiền duyên cõi Dục, lần lượt duyên địa trên, Sơ thiền, Nhị thiền và chánh thọ (ở đây làm rõ cảnh giới siêu việt, lời văn, chỉ có lần lượt sắp trước sau, vượt qua trong tam-muội như trên, nên đơn cử cái bắt đầu để làm sáng tỏ cho cái sau cùng), duyên Sơ thiền, lần lượt duyên xuống cõi Dục. Lần lượt duyên lên đệ nhị, đệ Tam thiền. Sơ thiền duyên Nhị thiền, lần lượt duyên xuống cõi Dục và Sơ thiền. Và duyên lên đệ tam,

Tứ thiên như thế, tất cả địa đều nên biết. Vô Sắc không duyên địa dưới, như trước đã nói. Dù khổ pháp trí theo trình tự, sinh khổ tử nhãn cho đến duyên đệ nhất hữu, vì ở đây không dứt cảnh giới. (vì nối tiếp nhau không dứt, nên dù xa, mà chẳng phải vượt qua). Tịnh, bội xả lần lượt, duyên tâm tự địa mà khởi, hoặc duyên địa trên, chỉ vì địa đó nhiễm ô.

Hỏi: Lời Phật nói, nên nói là thiện hay là vô ký?

Đáp:

*Lời Phật thiện, vô ký
Như sơ tâm kia chuyển
Rốt ráo cũng như vậy
Vô ký hoặc thanh tịnh.*

Lời Phật thiện, vô ký: Nghĩa là điều phục chỗ, phương tiện mà nói là thiện. Như Phật nói: Hết thấy hành vô thường, tất cả pháp vô ngã. Niết-bàn diệt hẳn. So sánh như vậy. Nếu Phật không vận dụng phương tiện, thì gọi là vô ký. Như Phật hỏi: A-nan vì sao cất tiếng lớn trong vườn, so sánh như vậy, như sơ tâm kia chuyển biến rốt ráo cũng giống như vậy. Vô ký hoặc thanh tịnh, nghĩa là Đức Thế Tôn dùng tâm thiện phát ra lời nói, tức là dùng tâm thiện rốt ráo, tâm vô ký phát ra lời nói. Hoặc tâm vô ký rốt ráo, hoặc tâm thiện rốt ráo. Không có tâm thiện phát ra lời nói, tâm vô ký rốt ráo, vì lúc nói, càng tăng thêm không giảm.

Hỏi: Thế nào là Thanh văn?

Đáp:

*Thanh văn thì bất định
Rốt ráo cùng với chuyển
Lúc nói, không lui, giảm
Chỉ có Phật Thế Tôn.*

Thanh văn thì bất định, rốt ráo cùng với chuyển: Nghĩa là Thanh văn dùng tâm thiện phát ra lời nói, hoặc tâm thiện rốt ráo, hoặc tâm vô ký rốt ráo. Tâm vô ký phát ra lời nói, hoặc tâm thiện rốt ráo, hoặc tâm vô ký rốt ráo.

Hỏi: Vì sao Đức Thế Tôn dùng tâm thiện phát ra lời nói, là tâm thiện rốt ráo? Tâm thiện của Thanh văn phát ra lời nói là tâm vô ký rốt ráo?

Đáp: Vì lúc nói, lời nói không lui thì chỉ có Phật, Thế tôn. Phật, Thế Tôn lúc nói không lui, hàng Thanh văn như Tôn giả Xá-lợi-phất, v.v... lúc nói, vẫn còn lui sụt.

Hỏi: Có bao nhiêu nhập sở thiêu? Bao nhiêu nhập năng thiêu?

Đáp:

*Trong các nhập có bốn
Bị đốt cũng hay đốt
Được xưng cũng hay xưng
Đoạn, năng đoạn, không lầm.*

Trong các nhập có bốn bị đốt, cũng hay đốt: Nghĩa là sắc, hương, vị, xúc bị đốt cháy, cũng có khả năng đốt cháy, vì chúng không lìa nhau. Có thuyết nói: Bốn nhập này có thể đốt, vì không lìa nhau. Lại có một nhập có khả năng đốt, đó là hỏa đại, vì được tướng đốt cháy.

Được xưng cũng có khả năng xưng: Nghĩa là trước đã nói bốn nhập được gọi, cũng có khả năng gọi, vì không lìa nhau. Có thuyết nói: Bốn nhập có khả năng gọi, một thứ được gọi, vì được tướng lập lại. Đoạn, năng đoạn không lầm: Là nói bốn nhập của ở trước nói được đoạn, cũng có khả năng đoạn, nên trong đây không có thuyết sai lầm.

Hỏi: Địa, địa giới khác nhau thế nào?

Đáp:

*Địa là sắc, hình, xứ
Tướng cứng, nói địa giới
Còn hai cũng hai thứ
Phong tức phong, hoặc khác.*

Địa là sắc, hình, xứ: Nghĩa là sắc, hình, xứ là địa. Nhãn thức thuộc sắc nhập nên biết được tên của thế gian này. Địa giới, là nói về tướng cứng: Nghĩa là tướng cứng là giới của địa. Xúc nhập gồm nhiếp cái biết của thân thức, đây là đệ nhất nghĩa.

Còn hai cũng hai thứ, nghĩa là nước và lửa, cũng có hai thứ: Sắc, hình xứ là nước thì chất ẩm ướt, thấm nhuần, là giới thủy. Sắc, hình xứ là lửa, thì hơi nóng là giới của lửa. Các địa còn lại như trước nói.

Phong tức phong, hoặc khác, nghĩa là có thuyết cho phong tức là chủng loại gió, vì lấy phi thế gian để đặt tên. Có thuyết cho đây cũng là thế gian đặt tên, có bụi gió, không có bụi gió, so sánh như vậy.

Hỏi: Căn thiện có bao nhiêu loại?

Đáp:

*Phần phước nói một thứ
Cùng với phần giải thoát
Phần quyết định ở phước
Thứ tư lìa các lậu.*

Phần phước nói một thứ, nghĩa là nếu văn, tư, tuệ ở cõi Dục mà thù thắng tinh tiến, bố thí, trì giới, v.v... đều sinh, được vua Chuyển

luân, Đế-thích và các báo thân có sức tự tại to lớn khác ở cõi Dục và các căn thiện thắng tiến của cõi Sắc, cõi Vô Sắc, có khả năng được quả hữu, đó gọi là phần phước.

Cùng với phần giải thoát, nghĩa là phần giải thoát cũng là văn, tư, thí, giới, v.v... đều sinh ở cõi Dục, trái với các hữu, hưởng về giải thoát, gieo trồng các căn thiện này, nghĩa là khoảng giữa dù dứt căn thiện, vẫn gọi là nghịch lưu. Vì sao? Vì chắc chắn được Niết-bàn. Cho nên có thuyết nói như vậy: “Thà làm Điều-đạt, chứ không làm ngoại đạo Uất-đầu-lam-tử. Điều-đạt dù gây ra ba tội nghịch, cắt đứt các căn thiện, diệt chủng tử thiện, đọa địa ngục Vô gián (A-tỳ-chí: A là Vô, tỳ-chí là Trách. Gián là hạt giống, vì nhân không có hạt giống thiện, nên quả gọi là không có hạt giống. Hai nghĩa khác như cũ).

Tội ở địa ngục hết, sống lâu vạn tuổi trong cõi người, được quả Bích-chi-Phật, được các căn bén nhạy, hơn Tôn giả Xá-lợi-phất v.v... Uất-đầu-lam-tử, dù lia tám địa, sinh lên đệ nhất hữu, khi báo hết, qua đời, ở cõi đó sẽ sinh làm chồn bay có cánh trong rừng pháp, để tàn hại hết thấy chúng sinh sống dưới nước và trên đất liền, khi chết đọa vào địa ngục Vô gián.

Đức Thế Tôn không thọ ký cho giải thoát thời và giải thoát chủng cho những người có tướng xứ ngồi nghe pháp như vậy. Nếu lúc nghe pháp, khóc lóc buồn bã, rơi lệ, rùng mình, thì mới nhận thấy lỗi lầm của sinh tử và lợi ích cao quý của Niết-bàn kính tin chánh pháp và người nói pháp. Về phần phước quyết định, nghĩa là quán sát các căn thiện như noãn, v.v... của chân đế, có quyết định đối với đế, có đầy đủ đối với đế, vì thuận theo hướng về Thánh đạo, nên gọi là phần quyết định, như đã nói trong phẩm Hiền Thánh.

Đệ Thứ tư lia các lậu. Căn thiện vô lậu là học, vô học, mà ở trước đã nói.

Hỏi: Đối với đường ác, được chẳng phải thường diệt, là thế nào?

Đáp:

*Nên biết bố thí thấy,
Chuyển được các đường ác
Nhất định cùng với nhãn
Thí thấy đồng hoặc khác.*

Nên biết bố thí thấy chuyển được các đường ác: Nghĩa là nếu có bố thí, thì không đọa đường ác, hoặc nếu có giới, văn, hoặc tư duy, Noãn, hoặc Đảnh, hoặc nếu thấy lỗi sinh tử và lợi ích cao quý của Niết-bàn, trái sinh tử, hưởng về Niết-bàn, mà thực hành bố thí. Bố thí như

vậy, chuyển được các đường ác. Căn thiện khác cũng như vậy. Bồ thí chuyển được các đường ác, mà không phải Đảnh. Nếu cho rằng không như vậy thì không đúng. Vì sao? Vì trái với sinh tử, hoặc có căn thiện chưa được quyết định, mà có thể chán ghét tội độ sinh tử, thì không phải là người được căn thiện quyết định.

Lại nữa, sự bồ thí rất trái với nghiệp phiền não của đường ác, chẳng phải Đảnh, cho nên không có lỗi.

Hỏi: Nếu các căn thiện không nhất định lìa đường ác, thì cái gì là nhất định?

Đáp: Nhất định đi chung với nhãn, xả ngay đường ác, chắc chắn là ở nhãn. Nhãn trái với tất cả nghiệp phiền não của đường ác. Bỏ nhãn: Là nghiệp phiền não của đường ác còn không khởi hiện, huống chi là không bỏ.

Thí thấy đồng hoặc khác: Là từ bồ thí cho đến Đảnh, có khi lìa đường ác, có khi không lìa, vì không phải tất cả bồ thí đều có trái với nghiệp phiền não của đường ác. Căn thiện khác cũng như vậy.

Đã nói về nhân duyên chuyển đường ác, nay sẽ nói: Về ý thức không chung (ý thức có sáu việc không chung với năm thức).

Khi lìa dục và lìa

Thọ sinh cũng chết đi.

Đoạn thiện, và nối tiếp

Nên biết là ý thức.

Sáu việc này là nói trụ ý thức, vì tư duy, vì duyên khắp. Dù Đức Thế Tôn nói là mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, thân xúc chạm mà thối lui, nhưng đó cũng do ý thức hiện ở trước lôi kéo, nên lui sụt.

Hỏi: Trụ ở thọ nào mà qua đời và thọ sinh?

Đáp:

Là tất cả chúng sinh

Đều trụ ở xả thọ

Qua đời và thọ sinh

Vì lẽ không nhanh chóng.

Là tất cả chúng sinh đều trụ ở xả thọ, qua đời và thọ sinh. Nghĩa là hết thấy chúng sinh đều trụ ở thọ không khổ, không vui, qua đời và thọ sinh.

Hỏi: Vì sao?

Đáp: Vì không nhanh chóng. Phần sống, phần chết trong tất cả phần, không sáng suốt, không giác ngộ. Vì thọ không khổ, không vui trong các thọ, không nhanh chóng, không sáng suốt, cho nên, tất cả

chúng sinh, đều trụ ở thọ không khổ, không vui, qua đời và thọ sinh.

Hỏi: Nếu vậy thì thọ không khổ, không vui, lẽ ra không phải là Thánh đạo vô lậu nhanh chóng?

Đáp: Chẳng phải thọ không khổ, không vui, không có sức của Thánh đạo vô lậu mà có thể khiến cho lạnh lợi. Như nước có pha chất cay thì cay, có pha chất đắng thì đắng; Ngọt, chua, mặn, lạt cũng giống như vậy.

* * * * *